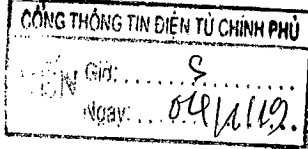


Số: 43 /2018/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018



THÔNG TƯ

Quy định một số nội dung về xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng, giống vật nuôi, nguồn gen cây trồng; nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và nhập khẩu vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh Giống cây trồng ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Giống vật nuôi ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định một số nội dung về xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng, giống vật nuôi, nguồn gen cây trồng; nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và nhập khẩu vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

1. Hồ sơ, thời hạn, cơ quan cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu một số hàng hoá thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm:

a) Xuất khẩu giống cây trồng nông nghiệp có trong Danh mục giống cây trồng cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, hội chợ, triển lãm, làm quà tặng;

b) Nhập khẩu giống cây trồng nông nghiệp chưa có trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh để nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất thử, hợp tác quốc tế, làm mẫu tham gia triển lãm, làm quà tặng hoặc để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư (trừ trường hợp giống cây trồng chưa có trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh nhưng đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cây trồng nông nghiệp mới);

c) Nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp chưa có trong Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh để nghiên cứu, khảo nghiệm, trồng sản xuất thử nghiệm, làm cây cảnh, cây bóng mát, hợp tác quốc tế, làm mẫu tham gia triển lãm, làm quà tặng hoặc để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư (trừ trường hợp giống cây trồng chưa có trong Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh nhưng đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cây trồng lâm nghiệp mới);

d) Xuất khẩu giống vật nuôi có trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học và các mục đích đặc biệt khác;

đ) Nhập khẩu tinh, phôi của giống vật nuôi lần đầu vào Việt Nam; nhập khẩu giống vật nuôi chưa có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh để khảo nghiệm, nghiên cứu và các mục đích đặc biệt khác (trừ trường hợp giống vật nuôi chưa có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh nhưng đã có kết quả khảo nghiệm được cơ quan quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận);

e) Nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

g) Nhập khẩu vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

2. Xuất khẩu, nhập khẩu nguồn gen cây trồng phục vụ nghiên cứu, trao đổi khoa học kỹ thuật.

3. Xuất khẩu giống cây trồng lâm nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với thương nhân, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Chương II**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Quy định về hồ sơ, thời hạn, cơ quan cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng nông nghiệp

1. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu giống cây trồng nông nghiệp:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu theo Mẫu số 01/TT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai kỹ thuật theo Mẫu số 02/TT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân);

d) Trường hợp xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, hợp tác quốc tế phải bổ sung 01 bản sao thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật;

đ) Trường hợp xuất khẩu tham gia hội chợ, triển lãm phải bổ sung 01 bản sao Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật;

e) Trường hợp xuất khẩu làm quà tặng phải bổ sung 01 bản sao giấy chứng nhận giữa hai bên bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật;

2. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu giống cây trồng nông nghiệp:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu theo Mẫu số 03/TT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai kỹ thuật theo Mẫu số 04/TT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (chỉ nộp khi nhập khẩu lần đầu);

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân);

d) Trường hợp giống cây trồng nhập khẩu lần thứ hai trở đi để khảo nghiệm, sản xuất thử phải nộp báo cáo kết quả nhập khẩu, khảo nghiệm, sản xuất thử lần nhập trước;

đ) Trường hợp nhập khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, hợp tác quốc tế phải bổ sung 01 bản sao thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật;

e) Trường hợp nhập khẩu tham gia hội chợ, triển lãm phải bổ sung Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam;

g) Trường hợp nhập khẩu làm quà tặng phải bổ sung 01 bản sao giấy xác nhận giữa hai bên bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật;

h) Trường hợp nhập khẩu để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, hồ sơ phải bổ sung bản sao (mang theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực của văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận chương trình, dự án đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc dự án được doanh nghiệp phê duyệt theo quy định của pháp luật;

i) Trường hợp nhập khẩu giống cây trồng để phục vụ dự án xây dựng đường giao thông phải bổ sung bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale - CFS) do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau: Giấy công nhận giống cây trồng mới; Giấy xác nhận giống cây trồng không nằm trong Danh mục cấm sử dụng của nước xuất khẩu; Giấy chứng nhận khác có nội dung tương tự kèm theo bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật hoặc kết quả nghiên cứu, khảo nghiệm tại Việt Nam cho thấy giống cây trồng an toàn với môi trường.

2. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo Mẫu số 05/TT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp từ chối cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Thời hạn hiệu lực của giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.

4. Cơ quan thực hiện:

- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Bộ phận “một cửa” - Văn phòng Cục Trồng trọt.

- Website: www.cuctrongtrot.gov.vn

- Địa chỉ: Nhà A6A, Số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội.

- Điện thoại: 024.3823.4651 Fax: 024.3734.4967.

- Email: tt@mard.gov.vn

Điều 4. Quy định về xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp

1. Đối với giống cây trồng lâm nghiệp thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài hoang dã nguy cấp (CITES), việc xuất khẩu thực hiện theo quy định

của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước CITES.

2. Thành phần hồ sơ đề nghị nhập khẩu giống cây lâm nghiệp:

a) Văn bản đề nghị nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 01/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Lý lịch giống cây trồng lâm nghiệp đề nghị nhập khẩu theo Mẫu số 02/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Các tài liệu liên quan như hợp đồng mua bán giống hoặc hợp đồng tặng cho giống cây trồng lâm nghiệp của đối tác;

d) Trường hợp nhập khẩu giống cây lâm nghiệp để trồng khảo nghiệm, trồng sản xuất thử nghiệm phải có hồ sơ thiết kế kỹ thuật trồng khảo nghiệm, trồng sản xuất thử nghiệm. Trường hợp nhập khẩu lần thứ hai trở đi để khảo nghiệm, sản xuất thử nghiệm phải nộp báo cáo kết quả nhập khẩu, khảo nghiệm, sản xuất thử nghiệm lần nhập trước;

đ) Trường hợp nhập khẩu giống cây lâm nghiệp để làm cây cảnh, cây bóng mát phải có văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại chấp thuận phương án và đề nghị cho nhập khẩu giống;

e) Trường hợp nhập khẩu phục vụ nghiên cứu, hợp tác quốc tế phải bổ sung 01 bản sao thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có chữ ký xác nhận của cơ quan dịch thuật;

g) Trường hợp nhập khẩu tham gia hội chợ, triển lãm phải bổ sung Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam;

h) Trường hợp nhập khẩu làm quà tặng phải bổ sung 01 bản sao giấy xác nhận giữa hai bên bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật;

i) Trường hợp nhập khẩu để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, hồ sơ phải bổ sung bản sao (mang theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực của văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận chương trình, dự án đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc dự án được doanh nghiệp phê duyệt theo quy định của pháp luật;

3. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép nhập khẩu theo Mẫu số 03/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp từ chối cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Thời hạn hiệu lực của giấy phép nhập khẩu không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.

5. Cơ quan thực hiện: Tổng cục Lâm nghiệp

- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Văn phòng Tổng cục Lâm nghiệp
- Địa chỉ: Số 2 Ngọc Hà - Ba Đình - Hà Nội.
- Điện thoại: 024.3843.8792 Fax: 024.3843.8793
- Email: ln@mard.gov.vn

Điều 5. Quy định về hồ sơ, thời hạn, cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen

1. Hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen:

a) Văn bản đề nghị nhập khẩu theo Mẫu số 06/TT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai kỹ thuật theo Mẫu số 07/TT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (chỉ nộp khi nhập khẩu lần đầu);

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân);

d) Bản sao Giấy chứng nhận an toàn sinh học và Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

đ) Kế hoạch khảo nghiệm so sánh, bao gồm khảo nghiệm so sánh diện hẹp và diện rộng theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư 29/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 4 năm 2010 về công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép nhập khẩu theo Mẫu số 08/TT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp từ chối cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Thời hạn hiệu lực của giấy phép nhập khẩu không quá 12 tháng, kể từ ngày được cấp.

4. Cơ quan thực hiện:

- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Bộ phận “một cửa” - Văn phòng Cục Trồng trọt

- Website: www.cuctrongtrot.gov.vn.

- Địa chỉ: Nhà A6A, Số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội.
- Điện thoại: 024.3823.4651 Fax: 024.3734.4967
- Email: tt@mard.gov.vn

Điều 6. Quy định về xuất khẩu, nhập khẩu nguồn gen cây trồng phục vụ nghiên cứu, trao đổi khoa học kỹ thuật

Việc xuất khẩu, nhập khẩu nguồn gen cây trồng phục vụ nghiên cứu, trao đổi khoa học kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

Điều 7. Quy định về hồ sơ, thời hạn, cơ quan cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi; nhập khẩu tinh, phôi giống vật nuôi lần đầu vào Việt Nam

1. Thành phần hồ sơ đề nghị xuất khẩu giống vật nuôi:

a) Văn bản đề nghị xuất khẩu giống vật nuôi theo Mẫu số 01/CN Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Lý lịch giống vật nuôi: Lý lịch giống vật nuôi có xác nhận của cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu, trong đó ghi rõ tên giống, phẩm cấp giống, xuất xứ, số lượng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

c) Bản sao dự án hợp tác nghiên cứu hoặc hợp đồng nghiên cứu có nội dung liên quan đến xuất khẩu giống vật nuôi.

2. Thành phần hồ sơ đề nghị nhập khẩu giống vật nuôi:

a) Văn bản đề nghị nhập khẩu giống vật nuôi để khảo nghiệm, nghiên cứu và các mục đích đặc biệt khác theo Mẫu số 02/CN Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Đối với trường hợp khảo nghiệm phải bổ sung:

Lý lịch giống vật nuôi có xác nhận của cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu, trong đó ghi rõ tên giống, phẩm cấp giống, xuất xứ, số lượng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Lý lịch là bản chính hoặc bản sao có chứng thực kèm theo bản dịch ra tiếng Việt. Trong trường hợp nộp trực tiếp, lý lịch là bản sao đồng thời phải xuất trình bản chính để đối chiếu;

Đề cương khảo nghiệm, quy trình chăn nuôi;

Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) hoặc Quyết định thành lập. Quy định này chỉ áp dụng đối với thương nhân đăng ký nhập khẩu lần đầu.

3. Thành phần hồ sơ đề nghị nhập khẩu tinh, phôi giống vật nuôi lần đầu vào Việt Nam:

a) Văn bản đề nghị nhập khẩu tinh, phôi theo Mẫu số 03/CN Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tinh, phôi của giống gia súc lớn (trâu, bò, dê, cừu): Lý lịch 3 đời của đực giống cho tinh đối với trường hợp nhập khẩu tinh; lý lịch 3 đời của con bố, con mẹ cho phôi đối với trường hợp nhập khẩu phôi. Lý lịch bao gồm tên giống, cấp giống, năng suất của từng cá thể giống cho tinh, phôi, cơ sở nuôi, khai thác giống cho tinh, phôi và phải có xác nhận của cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu. Không nhập khẩu tinh quá 60 tháng kể từ ngày sản xuất;

c) Tinh, phôi lợn giống: Lý lịch của lợn giống cho tinh, phôi, bao gồm tên giống, cấp giống, năng suất của từng cá thể giống cho tinh, phôi; cơ sở nuôi và khai thác giống cho tinh, phôi;

d) Lý lịch là bản chính hoặc bản sao có chứng thực kèm theo bản dịch ra tiếng Việt. Trong trường hợp nộp trực tiếp, hồ sơ là bản sao đồng thời phải xuất trình bản chính để đối chiếu.

đ) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) hoặc Quyết định thành lập. Quy định này chỉ áp dụng đối với thương nhân đăng ký nhập khẩu lần đầu.

4. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu giống vật nuôi; tinh, phôi giống vật nuôi theo Mẫu số 04/CN Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp từ chối cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5. Thời hạn hiệu lực của giấy phép nhập khẩu không quá 12 tháng, kể từ ngày được cấp.

6. Cơ quan thực hiện: Cục Chăn nuôi

- Nơi tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận “Một cửa” - Văn phòng Cục Chăn nuôi
- Địa chỉ: Số 16 Thụy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội
- Điện thoại: 024.3734.5443, Fax: 024.3734.5444
- Email: cn@mard.gov.vn

Điều 8. Quy định về hồ sơ, thời hạn, cơ quan cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật

1. Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật chưa có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam để tạm nhập, tái xuất hoặc nhập khẩu để sản xuất tại Việt Nam nhằm mục đích xuất khẩu theo hợp đồng đã ký với nước ngoài:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 01/BVTV Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đóng dấu của thương nhân (chỉ nộp khi nhập khẩu lần đầu);

Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng nhập khẩu, hợp đồng xuất khẩu hoặc hợp đồng gia công với đối tác nước ngoài;

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) tại nước xuất khẩu (chỉ nộp khi nhập khẩu lần đầu).

b) Trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật để xông hơi khử trùng chứa hoạt chất methyl bromide và các hoạt chất có độ độc cấp tính loại I, II theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS):

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 01/BVTV Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đóng dấu của thương nhân (chỉ nộp khi nhập khẩu lần đầu);

Bản sao Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng do Cục Bảo vệ thực vật cấp (chỉ nộp khi nhập khẩu lần đầu) đối với trường hợp nhập khẩu thuốc xông hơi khử trùng;

Báo cáo về tình hình nhập khẩu, sử dụng và mua bán methyl bromide theo Mẫu số 02/BVTV Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp nhập khẩu thuốc xông hơi khử trùng chứa hoạt chất methyl bromide.

c) Trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật chưa có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam để khảo nghiệm nhằm mục đích đăng ký thuốc bảo vệ thực vật; thử nghiệm, nghiên cứu:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 01/BVTV Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đóng dấu của thương nhân (chỉ nộp khi nhập khẩu lần đầu);

Bản sao Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật hoặc Phiếu an toàn hóa chất của thuốc mẫu khảo nghiệm, thử nghiệm;

Đề cương nghiên cứu về thuốc bảo vệ thực vật đề nghị nhập khẩu (đối với trường hợp nhập khẩu để nghiên cứu).

d) Trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong các dự án của nước ngoài tại Việt Nam; thuốc bảo vệ thực vật làm hàng mẫu, hàng phục vụ triển lãm, hội chợ và sử dụng trong một số trường hợp đặc biệt theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 01/BVTV Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đóng dấu của thương nhân (chỉ nộp khi nhập khẩu lần đầu);

Bản sao có chứng thực hợp đồng nhập khẩu;

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) tại nước xuất khẩu trong trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất chưa có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam.

đ) Trường hợp nhập khẩu thuốc trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam nhưng nhập khẩu để làm chất chuẩn:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 01/BVTV Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đóng dấu của thương nhân (chỉ nộp khi nhập khẩu lần đầu).

2. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03/BVTV Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp từ chối cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Hiệu lực của Giấy phép:

Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có giá trị cho toàn bộ lô hàng ghi trong giấy phép và hiệu lực được ghi trong giấy phép theo từng loại thuốc, nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày cấp. Giấy phép nhập khẩu methyl bromide chỉ có hiệu lực trong năm cấp phép.

4. Cơ quan thực hiện: Cục Bảo vệ thực vật

- Địa chỉ: 149 Hồ Đắc Di, Đống Đa - Hà Nội

- ĐT: 024.3533.0361 Fax: 024.3533.0043;

- Email: cchc.bvtv@mard.gov.vn

Điều 9. Quy định về hồ sơ, thời hạn, cơ quan cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam

1. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo Mẫu số 04/BVTV Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Hợp đồng thương mại;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân (chỉ nộp khi nhập khẩu lần đầu).

2. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo Mẫu số 05/BVTV Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp từ chối cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Hiệu lực của Giấy phép:

Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu có giá trị cho toàn bộ lô hàng ghi trong giấy phép và hiệu lực được ghi trong giấy phép theo từng mặt hàng nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày cấp.

4. Cơ quan thực hiện: Cục Bảo vệ thực vật

- Địa chỉ: 149 Hồ Đắc Di, Đống Đa - Hà Nội

- ĐT: 024.3533.0361 Fax: 024.3533.0043;

- Email: cchc.bvtv@mard.gov.vn

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có liên quan đến giống cây trồng, giống vật nuôi; giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu đã được cơ quan có thẩm quyền cấp được tiếp tục thực hiện các nội dung và thời hạn hiệu lực của các giấy phép này.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu giống cây trồng, giống vật nuôi; giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu đã nộp trước ngày 01 tháng 01 năm 2019, nếu đầy đủ, đúng quy định thì thực hiện theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.
2. Thông tư này bãi bỏ Điều 40 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân, thương nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị liên quan thuộc Bộ NN&PTNT;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, CBTNS (300 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
TRƯỞNG



Trần Thanh Nam



Phụ lục I

VỤC TRỒNG TRỌT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 43 /2018/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2018
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

| | |
|--------------|---|
| Mẫu số 01/TT | Văn bản đề nghị xuất khẩu giống cây trồng |
| Mẫu số 02/TT | Tờ khai kỹ thuật |
| Mẫu số 03/TT | Văn bản đề nghị nhập khẩu giống cây trồng |
| Mẫu số 04/TT | Tờ khai kỹ thuật |
| Mẫu số 05/TT | Giấy phép xuất nhập/nhập khẩu giống cây trồng |
| Mẫu số 06/TT | Văn bản đề nghị nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen |
| Mẫu số 07/TT | Tờ khai kỹ thuật nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen |
| Mẫu số 08/TT | Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen |

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số , ngày..... tháng..... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XUẤT KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG
REGISTRATION APPLICATION OF VARIETY EXPORTATION

Kính gửi: Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

To: Department of Crops Production - MARD

- Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị xuất khẩu giống:

(Name of the Organization, individual applying the registration for variety exportation):

- Địa chỉ (Address):

- Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):

- Thông tin về giống xuất khẩu: Basic information on variety

| TT | Tên giống (Variety Name) | Tên khoa học (Scientific name) | Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép...) Material: (seeds, plan, cutting, budwood...) | Đơn vị Tính (Unit) | Số lượng nhập (The quantity of importation) | Nơi xuất (original of exportation) |
|----|--------------------------------|---|--|--------------------------|--|--|
| | Tổng (total) | | | | | |

- Lần xuất khẩu (export time): Lần đầu (first) Lần thứ (next).....

- Mục đích xuất khẩu (Purposes of exportation):

Nghiên cứu (Research)

Khảo nghiệm (Evaluation)

Sản xuất thử (Test production)

Quà tặng (Gift)

Hội trợ, Triển lãm (Exhibition)

Hợp tác quốc tế (International Cooperation)

Mục đích khác (Other Purposes):

- Quy mô, địa điểm dự kiến gieo trồng: (nếu nhiều giống, lập Danh sách kèm theo):

Estimation for planting scale and location: (If more than one variety, a variety list needs to be attached)

- Cửa khẩu xuất (Border/gate for exportation):.....

- Thời hạn xuất khẩu (permitted time of exportation).....

- Kèm theo đây là các tài liệu liên quan (Attached with related documents):

- Tờ khai kỹ thuật (Technical Declaration)
- Giấy chứng nhận ĐKKD (Certificate of Business Registration)
- Giấy chứng nhận Đầu tư (.....)
- Giấy tờ khác (Other papers).....

- Chúng tôi xin cam kết (engagements): Báo cáo kết quả xuất khẩu giống về Cục Trồng trọt.

(Exportation result report of the variety to the Department of Crop Production)

Đề nghị Cục Trồng trọt xem xét và giải quyết./.

(Proposal and submittment to the Department of Crop Production. /.)

....., ngày..... tháng..... năm

Date,

Tổ chức/cá nhân đề nghị

(Ký tên, đóng dấu) Organization/individual of
registration (Signed, Sealed)

TỜ KHAI KỸ THUẬT
Technical Declaration

(Kèm theo Văn bản đề nghị xuất khẩu số..... ngày... tháng.... năm...) (Enclosed with the registering application form on the export of number... ..day. month. year)

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân (Information of Organization, individual)

- Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị xuất khẩu giống:

(Name of Organization, individual of registration to export plant variety):

- Địa chỉ (Address):

- Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):

2. Thông tin về giống (Basic Information of the variety)

- Tên giống: (Name of variety)

+ Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa:

(Variety names in Vietnamese. If those are not available in Vietnam, named in English or Latin as well as the original name):

+ Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):

(Scientific name – exactly to species, family and group):

- Đặc điểm thực vật học chủ yếu (Main botanical characteristics):

+ Cây trồng lâu năm (Perennial crops)

+ Cây trồng hàng năm (Annual crops)

+ Miêu tả rõ đặc điểm thực vật học của cây (thân, lá, rễ, hoa quả...); giá trị

sử dụng của cây; cách chế biến, sử dụng để làm gì: (Description of botanical characteristics (stem, leaf, flower, roots and fruits, ...); using value; processing method, using purpose)

- Bộ phận sử dụng (Part used):

Thân (stem) Lá (leaves) Rễ (root) Củ (tuber) Hoa (flower)

Quả (fruit) Hạt (seed)

- Giá trị sử dụng (Using value):

Làm lương thực, thực phẩm (Food)

Làm dược liệu (Medical) Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)

Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến (raw materials for processing industry)

Cải tạo môi trường (Environmental improvement)

Các giá trị khác (ghi rõ) (The other value (specified):

3. Cảnh báo các tác hại: Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng xuất khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có)

(Warnings: Specifying the negative impact of exported plants to ecological environment, including soil, water, other organisms and human health (if yes))

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này.

(We are engaging and undertaking full responsibility for the accurate and truth of the information provided in this declaration form)

....., ngày..... tháng..... năm

Date,

Tổ chức/cá nhân đề nghị

(Ký tên, đóng dấu) Organization/individual of registration (Signed, Sealed)

CMA

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số , ngày..... tháng..... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG
REGISTRATION APPLICATION OF VARIETY IMPORTATION

Kính gửi: Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

To: Department of Crops Production - MARD

- Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu giống:

(Name of the Organization, individual applying the registration for variety importation):

- Địa chỉ (Address):

- Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):

- Thông tin về giống nhập khẩu: Basic information on variety

| TT | Tên giống (Variety Name) | Tên khoa học (Scientific name) | Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép...) Material: (seeds, plan, cutting, budwood...) | Đơn vị Tính (Unit) | Số lượng nhập (The quantity of importation) | Nơi xuất (original of exportation) |
|----|-----------------------------|-----------------------------------|---|-----------------------|---|------------------------------------|
| | Tổng (total) | | | | | |

- Lần nhập khẩu (import time): Lần đầu (first) Lần thứ (next).....

- Mục đích nhập khẩu (Purposes of importation):

- Nghiên cứu (Research)
 Khảo nghiệm (Evaluation)
 Sản xuất thử (Test production)
 Sản xuất hạt lai F1 (F1 seed production)
 Quà tặng (Gift)
 Triển lãm (Exhibition)
 Hợp tác quốc tế (International Cooperation)
 Thực hiện Dự án đầu tư (Implementation of investment projects)
 Mục đích khác (Other Purposes):

- Quy mô, địa điểm dự kiến gieo trồng: (nếu nhiều giống, lập Danh sách kèm theo):

Estimation for planting scale and location: (If more than one variety, a variety list needs to be attached)

- Cửa khẩu nhập (Border/gate for importation):.....

CM

- Thời hạn nhập khẩu (permitted time of importation).....

- Kèm theo đây là các tài liệu liên quan (Attached with related documents):

Tờ khai kỹ thuật (Technical Declaration)

Giấy chứng nhận ĐKKD (Certificate of Business Registration)

Văn bản cho phép sản xuất thử (.....)

Giấy tờ khác (Other papers)

- Chúng tôi xin cam kết (engagements):

+ Giống cây trồng đề nghị nhập khẩu trên không phải là cây trồng biến đổi gen (GMO); không thuộc nhóm cây có chứa chất ma túy; không gây hại cho sức khoẻ con người và môi trường sinh thái.

(This varieties registered for importation are not GMO or belong to the group of opium containing plants; not be harmful to human health and ecological environment).

+ Báo cáo kết quả nhập khẩu và kết quả sử dụng giống về Cục Trồng trọt.

(Evaluation and importation result report of the variety to the Department of Crop Production)

Đề nghị Cục Trồng trọt xem xét và giải quyết./.

(Proposal and submittment to the Department of Crop Production. /.)

....., ngày..... tháng..... năm

Date,

Tổ chức/cá nhân đề nghị

(Ký tên, đóng dấu) Organization/individual of registration (Signed, Sealed)

TỜ KHAI KỸ THUẬT
Technical Declaration

(Kèm theo Văn bản đề nghị nhập khẩu số..... ngày... tháng.... năm...) (Enclosed with the registering application form on the import of number... .. day. month. year)

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân (Information of Organization, individual)

- Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu giống:

(Name of Organization, individual of registration to import plant variety):

- Địa chỉ (Address):

- Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):.....

2. Thông tin về giống (Basic Information of the variety)

- Tên giống: (Name of variety)

+ Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa nơi nhập về:

(Variety names in Vietnamese. If those are not available in Vietnam, named in English or Latin as well as the original name):

+ Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):

(Scientific name – exactly to species, family and group):

- Đặc điểm thực vật học chủ yếu (Main botanical characteristics):

+ Cây trồng lâu năm (Perennial crops)

+ Cây trồng hàng năm (Annual crops)

+ Miêu tả rõ đặc điểm thực vật học của cây (thân, lá, rễ, hoa quả...); giá trị

sử dụng của cây; cách chế biến, sử dụng để làm gì: (Description of botanical characteristics (stem, leaf, flower, roots and fruits, ...); using value; processing method, using purpose)

- Bộ phận sử dụng (Part used):

Thân (stem) Lá (leaves) Rễ (root) Củ (tuber) Hoa (flower)

Quả (fruit) Hạt (seed)

- Giá trị sử dụng (Using value):

Làm lương thực, thực phẩm (Food)

Làm dược liệu (Medical) Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)

Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến (raw materials for processing industry)

Cải tạo môi trường (Environmental improvement)

Các giá trị khác (ghi rõ) (The other value (specified):

3. Kỹ thuật gieo trồng (đối với giống cây trồng nhập khẩu lần đầu)

Growing techniques (for the first importation):

OMA

- Yêu cầu điều kiện sinh thái (vĩ độ, nhiệt độ, đất đai...)

Required ecological conditions (latitude, temperature, land ...)

- Thời vụ trồng (Planting season)

- Mật độ, lượng giống/ha: (Density, quantity of seed applied per hectare)

- Sâu bệnh hại chính (The main diseases and insects)

4. Cảnh báo các tác hại: Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng nhập khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có)

(Warnings: Specifying the negative impact of imported plants to ecological environment, including soil, water, other organisms and human health (if yes))

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này.

(We are engaging and undertaking full responsibility for the accurate and truth of the information provided in this declaration form)

....., ngày..... tháng..... năm

Date,

Tổ chức/cá nhân đề nghị

(Ký tên, đóng dấu) Organization/individual of registration (Signed, Sealed)

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC TRỒNG TRỌT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPX/NK-TT-.... Hà Nội, ngày tháng năm 201

GIẤY PHÉP XUẤT/NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt;

Căn cứ Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất/nhập khẩu giống cây trồng số..... ngày..... tháng.....năm.....của

Cục Trồng trọt đồng ý đề xuất/nhập khẩu giống cây trồng như sau:

| TT | Tên giống (Variety Name) | Tên khoa học (Scientific name) | Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép...) Material: (seeds, plan, cutting, budwood...) | Đơn vị Tính (Unit) | Số lượng nhập/xuất (The quantity of exportation/ importation) | Nơi xuất/nhập (original of exportation/ importation) |
|-------------|--------------------------------|--------------------------------------|--|--------------------------|--|--|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| | | | | | | |
| Tổng | | | | | | |

Mục đích xuất/nhập khẩu :

Thời gian xuất/nhập khẩu: từ ngày ký đến.....

Địa điểm xuất/nhập khẩu:.....

Ghi chú:.....

- Việc nhập xuất/khẩu giống trên,phải thực hiện đúng Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật và các quy định pháp lý có liên quan khác của Nhà nước Việt Nam.

-có trách nhiệm báo cáo kết quả xuất/nhập khẩu và sử dụng giống trên về Cục Trồng trọt (Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội, Điện thoại: 0243.8234651 Fax: 0243.7344.967).

CỤC TRƯỞNG
(ký tên và đóng dấu)

CM

Mẫu số 06/TT

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số , ngày..... tháng..... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG BIẾN ĐỔI GEN
REGISTRATION APPLICATION OF GM VARIETY IMPORTATION

Kính gửi: Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

To: Department of Crops Production - MARD

- Tên của tổ chức đề nghị nhập khẩu:

(Name of the Organization applying the registration for GM variety importation):

- Địa chỉ (Address):

- Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):

- Thông tin về giống nhập khẩu: Basic information on GM variety

| TT | Tên giống (Variety Name) | Tên khoa học (Scientific name) | Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép...) Material: (seeds, plan, cutting, budwood...) | Đơn vị Tính (Unit) | Số lượng nhập (The quantity of importation) | Nơi xuất (original of exportation) |
|--------------|--------------------------------|---|--|--------------------------|--|--|
| | | | | | | |
| Tổng (total) | | | | | | |

- Lần nhập khẩu (import time): Lần đầu (first) Lần thứ (next).....

- Mục đích nhập khẩu (Purposes of importation):

Khảo nghiệm (Evaluation)

Sản xuất thử (Test production)

Mục đích khác (Other Purposes):

- Cửa khẩu nhập (Border/gate for importation):.....

- Thời hạn nhập khẩu (permitted time of importation).....

- Kèm theo đây là các tài liệu liên quan (Attached with related documents):

Tờ khai kỹ thuật (Technical Declaration)

Giấy chứng nhận ĐKKD (Certificate of Business Registration)

Giấy chứng nhận đầu tư (Certificate of Investment)

Giấy tờ khác (Other papers)

- Chúng tôi xin cam kết (engagements):

+ Giống cây trồng biến đổi gen đề nghị nhập khẩu trên không thuộc nhóm cây có chứa chất ma túy; không gây hại cho sức khỏe con người và môi trường sinh thái.

(This GM varieties registered for importation are not belong to the group of opium containing plants; not be harmful to human health and ecological environment).

+ Báo cáo kết quả nhập khẩu và kết quả sử dụng giống biến đổi gen về Cục Trồng trọt.

(Evaluation and importation result report of the GM variety to the Department of Crop Production)

Đề nghị Cục Trồng trọt xem xét và giải quyết./.

(Proposal and submittment to the Department of Crop Production. /.)

Tổ chức/cá nhân đề nghị
(Organization/Individual of registration)

(ký tên, đóng dấu)
(Signature and Sealed)



TỜ KHAI KỸ THUẬT
Technical Declaration

(Kèm theo Văn bản đề nghị nhập khẩu số..... ngày... tháng.... năm...) (Enclosed with the registering application form on the import of number... ..day. month. year)

1. Thông tin về tổ chức đề nghị nhập khẩu giống (Information of Organization)

- Tên của tổ chức đề nghị nhập khẩu giống:

(Name of the Organization applying the registration for GM variety importation):

- Địa chỉ (Address):

- Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):

- Thông tin về giống nhập khẩu: Basic information on GM variety

2. Thông tin về giống (Basic Information of the GM variety)

- Tên giống: (Name of GM variety)

+ Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt

Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa nơi nhập về:

(Variety names in Vietnamese. If those are not available in Vietnam, named in English or Latin as well as the original name):

+ Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):

(Scientific name – exactly to species, family and group):

- Đặc điểm thực vật học chủ yếu (Main botanical characteristics): Miêu tả rõ đặc điểm thực vật học của cây (thân, lá, rễ, hoa quả...); giá trị sử dụng của cây; cách chế biến, sử dụng để làm gì: (Description of botanical characteristics (stem, leaf, flower, roots and fruits, ...); using value; processing method, using purpose)

- Bộ phận sử dụng (Part used):

Thân (stem) Lá (leaves) Rễ (root) Củ (tuber) Hoa (flower)

Quả (fruit) Hạt (seed)

- Giá trị sử dụng (Using value):

Làm lương thực, thực phẩm (Food)

Làm dược liệu (Medical) Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)

Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến (raw materials for processing industry)

Cải tạo môi trường (Environmental improvement)

Các giá trị khác (ghi rõ) (The other value (specified):

3. Kỹ thuật gieo trồng

Growing techniques

- Yêu cầu điều kiện sinh thái (vĩ độ, nhiệt độ, đất đai...)

Required ecological conditions (latitude, temperature, land ...)

- Thời vụ trồng (Planting season)
- Mật độ, lượng giống/ha: (Density, quantity of seed applied per hectare)
- Sâu bệnh hại chính (The main diseases and insects)

4. Cảnh báo các tác hại: Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng nhập khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có)

(Warnings: Specifying the negative impact of imported GM variety to ecological environment, including soil, water, other organisms and human health (if yes))

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này.

(We are engaging and undertaking full responsibility for the accurate and truth of the information provided in this declaration form)

....., ngày..... tháng..... năm

Date,

Tổ chức/cá nhân đề nghị

(Organization/Individual of registration)

(ký tên, đóng dấu)

(Signature and Sealed)

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC TRỒNG TRỌT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPNK-TT-.....

Hà Nội, ngày tháng năm 201

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG BIẾN ĐỔI GEN

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt;

Căn cứ Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen số..... ngày..... tháng.....năm.....của

Cục Trồng trọt đồng ý để nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen như sau:

| TT | Tên giống (Variety Name) | Tên khoa học (Scientific name) | Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép...) Material: (seeds, plan, cutting, budwood...) | Đơn vị Tính (Unit) | Số lượng nhập (The quantity of importation) | Nơi xuất (original of exportation) |
|-------------|--------------------------------|--------------------------------------|---|-----------------------------|--|--|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| | | | | | | |
| Tổng | | | | | | |

Mục đích xuất/nhập khẩu :

Thời gian xuất/nhập khẩu: từ ngày ký đến.....

Địa điểm xuất/nhập khẩu:.....

Ghi chú:.....

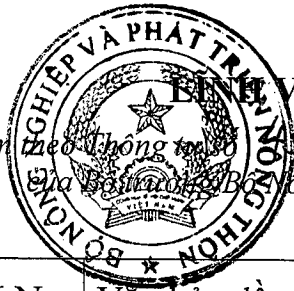
- Việc nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen nêu trên, ... phải thực hiện đúng Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21/6/2010 của Chính phủ quy định về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen và các quy định pháp lý có liên quan khác của Nhà nước Việt Nam.

- có trách nhiệm báo cáo kết quả nhập khẩu và sử dụng giống cây trồng biến đổi gen nêu trên về Cục Trồng trọt (Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội, Điện thoại: 0243.8234651 Fax: 0243.7344.967).

CỤC TRƯỞNG

(ký tên và đóng dấu)

AM



Phụ lục II

BẢNG MẪU VỰC LÂM NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

| | |
|--------------|--|
| Mẫu số 01/LN | Văn bản đề nghị nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp |
| Mẫu số 02/LN | Lý lịch giống cây trồng lâm nghiệp đề nghị nhập khẩu |
| Mẫu số 03/LN | Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp |

AM

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số , ngày..... tháng..... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Kính gửi : Tổng cục Lâm nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu:

- Địa chỉ

- Điện thoại, Fax, Email :

(Tên tổ chức, cá nhân)..... đề nghị Tổng cục Lâm nghiệp cho phép nhập khẩu giống cây lâm nghiệp sau đây:

1. Tên loài cây :

- Tên khoa học:

- Tên Việt Nam:

2. Số lượng:

- Hạt giống/lô giống: kg

- Cây giống/dòng vô tính:số cây /dòng vô tính

3. Nguồn gốc, xuất xứ giống (kèm theo lý lịch nguồn giống):

4. Mục đích nhập khẩu giống:

Nghiên cứu

Khảo nghiệm

Sản xuất thử nghiệm

Quà tặng

Hội trợ, Triển lãm

Hợp tác quốc tế

Cây cảnh, cây bóng mát

Mục đích khác.....

5. Thời gian nhập khẩu giống: từ ngàytháng..... năm 20...

6. Cửa khẩu nhập khẩu giống: Cửa khẩu/sân bay/bưu điện.....

7. Lần nhập khẩu (thứ mấy)

- Kèm theo đây là các tài liệu liên quan

Tờ khai kỹ thuật Giấy chứng nhận ĐKKD Giấy chứng nhận Đầu tư
 (.....)

Giấy tờ khác

CM

Tôi xin cam kết thực hiện đúng những quy định của nhà nước về nhập khẩu và báo cáo kết quả nhập khẩu giống về Tổng cục Lâm nghiệp.

Đề nghị Tổng cục Lâm nghiệp xem xét và giải quyết./.

....., ngày..... tháng..... năm

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(Ký tên, đóng dấu)



LÝ LỊCH GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU**1. Thông tin về giống**

- Tên giống:

+ Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa nơi nhập về:

+ Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):

- Đặc điểm thực vật học chủ yếu:

- Bộ phận sử dụng:

+ Gỗ : Sản phẩm ngoài gỗ:

- Giống được thu hái từ (rừng giống, vườn giống, rừng trồng.....):.....

- Những đặc điểm ưu việt của giống nhập khẩu: năng suất, khả năng kháng bệnh, tính chất cơ lý gỗ.....

2. Điều kiện tự nhiên nơi thu hái giống**2.1. Đặc điểm địa lý**

- Kinh độ:.....
- Vĩ độ:
- Độ cao so với mực nước biển:

2.2. Đặc điểm khí hậu

- Nhiệt độ bình quân năm:
- Nhiệt độ bình quân tháng nóng nhất:
- Nhiệt độ bình quân tháng lạnh nhất:
- Lượng mưa bình quân năm:
- Mùa mưa:
- Lượng bốc hơi:

3. Kỹ thuật gieo trồng (đối với giống cây trồng nhập khẩu lần đầu):

- Yêu cầu điều kiện sinh thái (vĩ độ, nhiệt độ, đất đai...):.....

- Thời vụ trồng:

- Mật độ, lượng giống /ha:.....

- Sâu bệnh hại chính:

4. Cảnh báo các tác hại:

Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng nhập khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có):.....

Tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai lý lịch giống này.

....., ngày tháng năm.....

Tổ chức, cá nhân đề nghị
(ký tên, đóng dấu)



BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số:...../GPNK-TCLN

Hà Nội, ngày.....thángnăm 20...

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 28/2017/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Văn bản đề nghị nhập khẩu số ngày tháng..... năm 20.. của và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu.

Tổng cục Lâm nghiệp đồng ý cho:

Tổ chức/cá nhân.....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....Fax.....

Được phép nhập khẩu Để.....

1. Tên thương mại:.....

2. Tên khoa học:.....

3. Số lượng:.....Khối lượng.....

4. Tên cơ sở sản xuất:.....

5. Địa chỉ nhà sản xuất.....ĐT..... Fax.....

6. Nước xuất khẩu:.....

7. Thời gian nhập khẩu:.....

8. Cửa khẩu nhập khẩu:.....

9. Mục đích nhập khẩu:.....

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:.....

Tổ chức/cá nhân phải thực hiện đúng mục đích nhập khẩu và thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

-

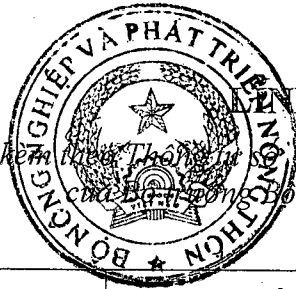
- Lưu: VT,

Hà Nội, ngày.....thángnăm 20...

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)





Phụ lục III

PHỤ LỤC VIỆC CHĂN NUÔI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

| | |
|--------------|---|
| Mẫu số 01/CN | Văn bản đề nghị xuất khẩu giống vật nuôi |
| Mẫu số 02/CN | Văn bản đề nghị nhập khẩu giống vật nuôi |
| Mẫu số 03/CN | Văn bản đề nghị nhập khẩu tinh, phôi giống vật nuôi |
| Mẫu số 04/CN | Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu giống vật nuôi, tinh, phôi giống vật nuôi |

CMR

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XUẤT KHẨU GIỐNG VẬT NUÔI

Kính gửi: Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xuất khẩu giống vật nuôi:
2. Địa chỉ:
3. Mục đích xuất khẩu (ghi rõ tên văn bản hợp tác quốc tế):
4. Tên cơ sở nước nhận/hoặc gửi đến:
5. Tóm tắt số lượng, khối lượng, hiện trạng giống vật nuôi xuất khẩu: chi tiết được trình bày ở phần lý lịch giống vật nuôi)
6. Thời gian xuất khẩu:
7. Cam đoan của tổ chức/cá nhân đề nghị xuất khẩu:
 - a) Giống vật nuôi đề nghị xuất khẩu trên đây không là giống vật nuôi thuộc bí mật quốc gia.
 - b) Thực hiện đúng quy định hiện hành của pháp luật về thú y và pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Tổ chức/cá nhân đề nghị
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU GIỐNG VẬT NUÔI

Kính gửi: Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tên tổ chức đề nghị nhập khẩu giống vật nuôi:
2. Địa chỉ:
3. Mục đích nhập khẩu (ghi rõ tên văn bản hợp tác quốc tế):
4. Tên cơ sở/nước nhận xuất xứ:
5. Tên giống, số lượng:
6. Thời gian nhập khẩu:
7. Địa điểm tiếp nhận, nuôi giữ tại Việt Nam:
7. Cam đoan của Tổ chức/cá nhân đề nghị nhập khẩu:
 - a) Sử dụng đúng mục đích nhập khẩu.
 - b) Thực hiện đúng quy định hiện hành của pháp luật về thú y và pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa./.

Tổ chức/cá nhân đề nghị
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU TINH, PHÔI... GIỐNG VẬT NUÔI

Kính gửi: Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và PTNT

Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

Đề nghị Cục Chăn nuôi đồng ý để nhập khẩu tinh/phôi giống vật nuôi để (ghi rõ mục đích nhập khẩu).....,

Tổng số lượng tinh, phôi:

Bằng chữ:

Thời gian nhập khẩu:

Cảng nhập khẩu:

Địa điểm lưu giữ/sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam:

Cục thể như sau:

| Số TT | Tên giống | Cấp giống | Số hiệu đực giống (hoặc số thẻ tai của đực giống cho tinh) | Số hiệu con bố, mẹ cho phôi (đối với nhập phôi) | Số lượng tinh/phôi | Năm sản xuất | Xuất xứ |
|-------|-----------|-----------|--|---|--------------------|--------------|---------|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

Tổ chức/cá nhân đề nghị
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)



Mẫu số 04/CN

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC CHĂN NUÔI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

Số:/GPXNK-CN

**GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU
GIỐNG VẬT NUÔI/TINH, PHÔI GIỐNG VẬT NUÔI**

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BNN-TCCB ngày tháng ... năm Của Bộ trưởng Bộ NNPTNT quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi;

Căn cứ Văn bản đề nghị xuất khẩu/nhập khẩu... ngày.... tháng.....năm.....của

.....
Cục Chăn nuôi đồng ý đề xuất/nhập
khẩu hàng hóa có thông tin chi tiết dưới đây:

| Số TT | Tên hàng hóa (kèm theo ký hiệu/số hiệu nhận dạng) | ĐVT | Số lượng | Mục đích | Nguồn gốc, xuất xứ |
|-------|---|-----|----------|----------|--------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Tên cửa khẩu xuất/nhập khẩu:

Nơi lưu giữ/sử dụng tại Việt Nam (áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu).

Thời hạn xuất / nhập khẩu: Từ ngày / / 20... đến ngày / / 20....

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)





Phụ lục IV

LĨNH VỰC VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công nghiệp và Phát triển nông thôn)

| | |
|----------------|--|
| Mẫu số 01/BVTV | Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật |
| Mẫu số 02/BVTV | Báo cáo tình hình nhập khẩu/sử dụng/mua bán methyl bromide |
| Mẫu số 03/BVTV | Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật |
| Mẫu số 04/BVTV | Đơn đề nghị cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu |
| Mẫu số 05/BVTV | Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Số:

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Giấy phép kinh doanh số:

Đề nghị Cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật cho chúng tôi như sau:

| Số TT | Tên thuốc BVTV | Khối lượng | Đơn vị tính | Công dụng thuốc | Xuất xứ |
|--|------------------------------|------------|-------------|-----------------|---------|
| I. | Thuốc BVTV kỹ thuật | | | | |
| 1. | | | | | |
| 2. | | | | | |
| | Cộng | | | | |
| II. | Thuốc BVTV thành phẩm | | | | |
| 1. | | | | | |
| 2. | | | | | |
| | Cộng | | | | |
| III. | Methyl bromide | | | | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| | Cộng | | | | |
| Tổng cộng (viết bằng chữ) | | | | | |

Mục đích nhập khẩu:

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Khảo nghiệm nhằm mục đích đăng ký | <input type="checkbox"/> Thử nghiệm |
| <input type="checkbox"/> Sản xuất để xuất khẩu theo hợp đồng với nước ngoài | <input type="checkbox"/> Nghiên cứu |
| <input type="checkbox"/> Làm hàng mẫu, hàng phục vụ triển lãm, hội chợ | <input type="checkbox"/> Sử dụng trong dự án của nước ngoài tại Việt Nam |
| <input type="checkbox"/> Tạm nhập, tái xuất | <input type="checkbox"/> Xông hơi khử trùng |
| <input type="checkbox"/> Trường hợp khác (ghi cụ thể)..... | <input type="checkbox"/> Chất chuẩn |

Hồ sơ kèm theo gồm:

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) |
| <input type="checkbox"/> Phiếu an toàn hóa chất (MSDS)/Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật | <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng |
| | <input type="checkbox"/> Báo cáo tình hình nhập khẩu, sử dụng và |

Chữ ký

Đề cương nghiên cứu thuốc bảo vệ thực vật mua bán methyl bromide
Hợp đồng: Các giấy tờ liên quan khác (nếu có)
nhập khẩu xuất khẩu gia công

Thời gian nhập khẩu:

Địa điểm nhập khẩu:

Địa điểm, thời gian, đối tượng sử dụng (với thuốc có độ độc cấp tính nhóm I, II)
.....

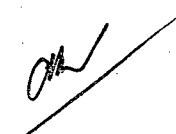
Địa điểm, thời gian, mục đích, đối tượng nghiên cứu, thí nghiệm, khảo nghiệm

Chúng tôi xin cam đoan các loại thuốc nhập khẩu được sử dụng đúng mục đích nêu trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)



Tổ chức khử trùng:.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU/SỬ DỤNG/MUA BÁN METHYL BROMIDE
(6 tháng đầu năm 20..../hoặc năm 20....)

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật

I. Tổng quát tình hình nhập khẩu/sử dụng methyl bromide.

1. Lượng methyl bromide tồn đầu của kỳ báo cáo:kg
2. Lượng methyl bromide nhập khẩu trong kỳ báo cáo

| STT | MB được cấp phép NK | | Lượng MB nhập khẩu thực tế (kg) | Lượng MB sử dụng (kg) | Lượng MB đã bán (kg) | | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------|---------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|---------|
| | Số GP | Lượng MB (kg) | | | Tên tổ chức mua MB | Lượng MB đã bán (kg) | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | Tổng | Tổng | Tổng | | Tổng | |

3. Lượng methyl bromide tồn cuối của kỳ báo cáo:kg

II. Chi tiết sử dụng methyl bromide

| Khử trùng nông sản xuất khẩu | | | Thực hiện TCQT số 15 | | Khử trùng hàng nhập khẩu | | | Các ứng dụng khác | | | |
|-----------------------------------|---------------------------|--------------------|----------------------|--------------------|--------------------------|----------------------------------|-------------|--------------------|--------------|-----------------------------|--------------------|
| Loại nông sản | Khối lượng nông sản (tấn) | Khối lượng MB (kg) | Thể tích (m3) | Khối lượng MB (kg) | Loại hàng hóa | Khối lượng hàng được xử lý (tấn) | Lý do xử lý | Khối lượng MB (kg) | Tên ứng dụng | Khối lượng được xử lý (tấn) | Khối lượng MB (kg) |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | Tổng | Tổng | Tổng | Tổng | | Tổng | | Tổng | | Tổng | Tổng |
| Tổng lượng MB sử dụng (kg) | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: Thời hạn báo cáo 06 tháng đầu năm trước ngày 15 tháng 7 và báo cáo năm trước ngày 15 tháng 01 năm sau.



**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPNKT-BVTV

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật số..... ngày..... tháng.....năm.....của

Cục Bảo vệ thực vật đồng ý đểnhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật với khối lượng sau đây:

| Số TT | Tên thuốc BVTV | Khối lượng | Đơn vị tính | Công dụng thuốc | Xuất xứ |
|--|------------------------------|------------|-------------|-----------------|---------|
| I. | Thuốc BVTV kỹ thuật | | | | |
| 1. | | | | | |
| | Cộng | | | | |
| II. | Thuốc BVTV thành phẩm | | | | |
| 1. | | | | | |
| | Cộng | | | | |
| III. | Methyl bromide | | | | |
| 1 | | | | | |
| | Cộng | | | | |
| Tổng cộng (viết bằng chữ) | | | | | |

Mục đích nhập khẩu :

Thời gian nhập khẩu: từ ngày ký đến.....

Địa điểm nhập khẩu:.....

Ghi chú:.....

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Trường hợp nhập khẩu methyl bromide, nội dung ghi trong giấy phép như sau:

+ Mục đích nhập khẩu: Sử dụng cho mục đích kiểm dịch thực vật và xuất khẩu (hoặc sử dụng miễn trừ thiết yếu) theo quy định của Nghị định thư Montreal.

+ Lượng methyl bromide trên phải được sử dụng đúng mục đích theo giấy phép này và chỉ được bán cho các tổ chức có Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng.

- Không được nhập khẩu methyl bromide nếu vi phạm một trong các trường hợp sau: báo cáo không trung thực về tình hình nhập khẩu, sử dụng, mua bán methyl bromide; Sử dụng sai mục đích được cấp phép; tổ chức bị thu hồi Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng.

OM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU**

Số :

Kính gửi:

Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ: Điện thoại :

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu cho lô vật thể dưới đây của cơ quan chúng tôi:

Tên vật thể:

Tên khoa học :

Trọng lượng :

Số lượng:

Phương thức đóng gói :

Vùng sản xuất :

Nước xuất khẩu :

Phương tiện vận chuyển :

Cửa khẩu nhập :

Địa điểm sử dụng :

Thời gian lô vật thể nhập khẩu :

Hồ sơ kèm theo :

Vào sổ số :ngày ___/___/___ , ngày..... tháng.....năm.....

Cán bộ nhận đơn

(Ký tên)

Đại diện cơ quan

(Ký tên)



**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BVTV-KD

GIẤY PHÉP KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

Theo pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, căn cứ vào:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép Kiểm dịch thực vật nhập khẩu của.....
.....

Báo cáo kết quả phân tích nguy cơ dịch hại số ngàythángnăm.....

Cục Bảo vệ thực vật đồng ý về mặt kiểm dịch thực vật (KDTV) để tổ chức, cá nhân có tên và địa chỉ dưới đây:

Nhập vào Việt Nam từ nước :

Những vật thể thuộc diện KDTV sau :

Tên khoa học :.....
.....

Với điều kiện phải thực hiện những yêu cầu KDTV sau đây:

1/ Áp dụng các biện pháp xử lý tại nước xuất khẩu:

Khử trùng: Loại thuốc:..... Liều lượng:..... Thời gian:.....

Chiếu xạ: Nguồn:..... Liều lượng:..... Thời gian:.....

Được sản xuất từ khu vực không nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam;

Biện pháp khác:

2/ Có Giấy chứng nhận KDTV do cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ/KDTV của nước xuất khẩu cấp;

3/ Những vật thể trên:

Chỉ được phép đưa vào qua các cửa khẩu sau đây :

Phải được hoàn tất thủ tục KDTV tại:.....

4/ Lộ trình vận chuyển:

5/ Địa điểm sử dụng:.....


7

6/ Khi tới nơi qui định, chủ vật thể trên phải thực hiện những nội dung sau đây:

- Khai báo với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật các tỉnh, thành phố địa điểm gieo trồng để tiếp tục theo dõi tình trạng dịch hại;
- Khai báo với Trung tâm KDTV sau nhập khẩu ...;
- Chỉ được đưa ra sản xuất sau khi có kết luận của cơ quan KDTV.
- Yêu cầu KDTV khác:

.....

7/ Giấy phép này có hiệu lực đến ngày tháng năm 20...

Hà Nội, ngày tháng ... năm 20..

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Giấy phép KDTV nhập khẩu này được lập thành 4 bản:

- Một bản do cơ quan đặt hàng giữ;
- Một bản do cơ quan nhập khẩu giữ;
- Một bản lưu tại cơ quan KDTV của địa bàn có cửa khẩu mà hàng thực vật nhập vào;
- Một bản lưu tại Cục Bảo vệ thực vật.

2. Cơ quan KDTV nơi nhận phải tiến hành thống kê nghiêm ngặt những Giấy phép KDTV nhập khẩu nhận được.

